CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

Dự thảo 24.05.2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần điều chỉnh để thực hiện phân quyền, phân cấp.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp, phân quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, quản lý thuế và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, quản lý thuế

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm

quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ

Điều 3. Xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá thực hiện như sau:

Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy, để Uỷ ban nhân dân cấp xem xét, ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng tại địa phương, cụ thể:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan thuế cấp tỉnh xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ áp dụng đối với ô tô, xe máy thuộc diện chịu lệ phí trước bạ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

b) Trường hợp cần điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày mùng 5 tháng cuối quý.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hướng dẫn quy trình xây dựng bảng giá tính lệ phí trước bạ và bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung.

Chương III
PHÂN QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ

Điều 5. Hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quy định chi tiết việc người nộp thuế không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý nhà nước đã có, căn cứ tình hình thực tế và điều kiện trang bị công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 11 Điều 17 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

b) Quy định chi tiết hồ sơ khai thuế; quy định loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế, khai quyết toán thuế; khai các khoản phải nộp về phí, lệ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu; kê khai, cung cấp, trao đổi, sử dụng thông tin đối với báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; tiêu chí xác định người nộp thuế để khai thuế theo quý theo quy định tại khoản 8 Điều 43 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

c) Quy định thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lệ phí trước bạ; lệ phí môn bài; khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

d) Quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh; người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn; người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh, các khoản thu từ đất, cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, quyết toán thuế thu nhập cá nhân; và người nộp thuế thực hiện khai thuế thông qua giao dịch điện tử cùng các trường hợp cần thiết khác theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Khoanh nợ thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết thủ tục, hồ sơ, thời gian khoanh nợ đối với trường hợp được khoanh nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định xóa nợ thuế

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật Quản lý thuế có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đến Cục Thuế.

b) Cục Thuế thẩm định hồ sơ:

Trường hợp không thuộc đối tượng xoá nợ thì Cục Thuế thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo mẫu số 02/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

Trường hợp thuộc đối tượng được xóa nợ và hồ sơ đầy đủ, Cục Thuế dự thảo quyết định xóa nợ theo mẫu số 06/XOANO ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, trình Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý hóa đơn điện tử

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quy định chi tiết dịch vụ về hóa đơn điện tử và quy định trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế phải trả tiền dịch vụ, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ quan quản lý thuế để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

CHƯƠNG IV
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ

Điều 10. Phê duyệt nội dung, ký kết và quyết định thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ phê duyệt nội dung APA, quyết định về việc ký kết đối với các APA song phương, đa phương có sự tham gia của cơ quan thuế nước ngoài. Căn cứ vào cấp ký kết của đối tác nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thể trực tiếp ký kết hoặc giao cho Cục trưởng Cục

Thuế ký kết APA song phương và đa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Trình tự, thủ tục thực hiện như sau: Trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ APA, Cục Thuế dự thảo phương án đàm phán, xin ý kiến các Bộ ngành liên quan (nếu cần thiết) và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi tiến hành đàm phán. Sau khi trao đổi, đàm phán với người nộp thuế với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp APA song phương hoặc APA đa phương) về nội dung APA, Cục Thuế xây dựng dự thảo APA và trình lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt, tiến hành ký kết APA.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quyết định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA, bao gồm cả các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đã được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định xoá nợ thì Thủ tướng Chính phủ tiếp tục xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

2. Đối với các nhiệm vụ được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện thẩm quyền quy định tại Nghị định này khi có phát sinh yêu cầu phải sửa đổi các nội dung đang quy định tại các văn bản quy phạm hiện hành có liên quan.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị áp dụng APA song phương, đa phương đã nộp cho cơ quan thuế trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa được báo cáo Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt, ký kết thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy thì tiếp tục được áp dụng Bảng giá tính lệ phí trước bạ. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung đối với ô tô, xe máy do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ

tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính